

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Phương;

Ông Nguyễn Hưng Thái Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 8, ấp TL, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Thái P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 8, ấp TL, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Thái P sống chung với nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 27-7-1998, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thường xuyên đánh bạc, không lo cho gia đình, chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh P không sửa đổi mà còn dùng dao đuổi đánh chị và được mọi người can ngăn nên từ đó mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng không hàn gắn được; hiện nay anh P đi làm công việc gì ở tỉnh Long An khoảng 01 tháng đến 02 tháng mới về

nhà một lần rồi lại tiếp tục đi. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Ngọc M, sinh ngày 13-01-2000 và Trần Gia L, sinh ngày 13-5-2008, hiện các cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu L, không yêu cầu anh P phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu L cùng với chị. Đối với cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 13-01-2000 đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Thái P nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Trần Thái P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị M và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Trần Thái P.

- Về nuôi con chung: Chị M có yêu cầu nuôi cháu L và cháu L cũng có nguyện vọng sống chung với chị M nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 13-5-2008 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 13-01-2000 đã thành niên, chị M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thái P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Thái P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến; theo cháu Trần Ngọc M là con của anh P, chị M cung cấp thì anh P, chị M thường xuyên cãi vã với nhau, nguyên nhân là tranh chấp vấn đề tiền nợ do anh P thiếu người khác và hiện nay anh P đi làm ở tỉnh Long An khoảng 01 tháng đến 02 tháng về nhà một lần rồi lại tiếp tục đi không có ở nhà. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị M và anh P có 02 người con tên Trần Ngọc M, sinh ngày 13-01-2000 và Trần Gia L, sinh ngày 13-5-2008. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M yêu cầu nuôi con nuôi cháu L, cháu M đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, theo biên bản lấy lời khai cháu L thì cháu L có nguyện vọng muốn sống cùng chị M nên cần giao con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 13-5-2008 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu L cùng với chị. Đối với con chung Trần Ngọc M, sinh ngày 13-01-2000 đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Trần Thái P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 13-5-2008 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu L cùng với chị.

Anh Trần Thái P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0015279** ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thái P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc